

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 52/VHPQ-TCHCKT ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 330/TTr-STNMT ngày 30 tháng 5 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc, địa chỉ tại Ngã 3, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại ngã 3, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.4. Mã số thuế: 1702082559.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:



- Phạm vi: Dự án được triển khai thực hiện tại ngã 3, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô: Dự án nhóm II (phân loại theo danh mục dự án quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Tổng diện tích thực hiện dự án là 79.309,50 m<sup>2</sup>, hoạt động với 2 hệ thống đào tạo như sau:

+ Hệ thống chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc với quy mô dự kiến gồm: 400 - 500 sinh viên và 30 - 80 giảng viên, chuyên gia, nhân viên.

+ Hệ thống chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Trường Trung cấp nghiệp vụ du lịch Khách sạn EHL - Phú Quốc với quy mô dự kiến gồm: 600 - 1.000 sinh viên và 70 - 170 giảng viên, chuyên gia, nhân viên.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07 tháng 6 năm 2023 đến ngày 07 tháng 6 năm 2033).



**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Phú Quốc;
- Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT, TT. PVHCC;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1454/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên, cán bộ, sinh viên tại dự án.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường xuống Cảng Bãi Vòng.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (tại hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung trên đường xuống Cảng Bãi Vòng).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1124112; Y = 447421 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

#### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 187,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Lưu lượng xả nước thải xin cấp phép: 240 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (tính theo công suất hệ thống xử lý nước thải).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả cưỡng bức; nước thải sau xử lý được bơm thoát ra điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung trên đường xuống Cảng Bãi Vòng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24 giờ, liên tục các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, hệ số K = 1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	--	5 – 9	6 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	30	
3	TSS	mg/L	50	



4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	6
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh tại từng khu được thu gom như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (tắm, giặt, chậu rửa mặt,...) → Lược rác → Hồ ga → Đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước thải từ các công trình, khối lớp học → Bể tự hoại 3 ngăn → Thiết bị lược, tách dầu mỡ → Hồ ga → Đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải → Hệ thống xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể tách chất nổi 1,2 → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 240 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine, mật ri đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Trong mỗi loại thiết bị bơm, máy thổi khí, máy khuấy, cột lọc,... của hệ thống xử lý nước thải đều được bố trí, lắp đặt 02 thiết bị, luân phiên hoạt động nhằm phòng ngừa trường hợp có sự cố xảy ra.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị, sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi sự ổn định của hệ thống, là cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Biện pháp xử lý:

+ Tạm dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để khắc phục sự cố.

+ Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm và khắc phục sự cố xảy ra.

+ Trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày, hệ thống xử lý nước thải phải ngừng hoạt động, không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn xả thải ra ngoài môi trường. Nước thải phát sinh được lưu giữ tạm thời tại bể điều hòa, khi bể điều hòa chứa đầy (vượt quá ngưỡng an toàn của bể) hoặc quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án phải có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thời gian thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án dự kiến khoảng 03 tháng, cụ thể như sau:

STT	Công trình xử lý chất thải	Chất lượng	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1)	08/2023	10/2023

Kế hoạch thu mẫu dự kiến như sau:

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất (lần)	Thời gian lấy mẫu (dự kiến)	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý	1	05/9/2023	1 mẫu đơn	pH, BOD <sub>5</sub> , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV,	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1)
2	Nước thải đầu ra hệ thống xử	3	05/9/2023 06/9/2023	3 mẫu đơn		

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất (lần)	Thời gian lấy mẫu (dự kiến)	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
	lý		07/9/2023		Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

## Phụ lục 2

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14574/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

#### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Các loại chất thải nguy hại (CTNH) có thể phát sinh gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
2	Mực in, hộp mực in	Rắn	08 02 04
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03
4	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01

Ước tính khối lượng CTNH phát sinh tại dự án khoảng 1,05 kg/ngày, tương đương 283,5 kg/năm.

#### 1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 2.100 kg/ngày, tương đương khoảng 63 tấn/tháng.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt chất thải nguy hại

#### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

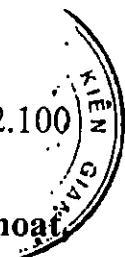
##### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 4 thùng có nắp đậy với dung tích 40 lít để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh. Các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

##### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí khu vực riêng biệt lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa rác tại tòa nhà khối thực hành hiện hữu với diện tích khoảng 5 m<sup>2</sup>, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được xây vách ngăn phân cách với kho chứa chất thải rác sinh hoạt còn lại.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu trữ.





- Khu vực chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Tại từng khu vực dự án được bố trí các thùng rác có dung tích khác nhau, cụ thể:

STT	Loại thùng chứa	Số lượng	Đơn vị	Vật liệu	Vị trí
1	Thùng rác loại 120 lít	40	Cái	PVC	Khối lớp học, căn tin, ký túc xá và dọc các tuyến đường nội bộ dự án.
2	Thùng rác loại 240 lít	20	Cái	PVC	Đặt tại điểm tập kết rác thải sinh hoạt, kho chứa CTRSH
3	Thùng rác loại 40 lít 2 ngăn	20	Cái	PVC	Khu văn phòng, lớp học

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án phải được thực hiện phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được phân thành 03 nhóm:

- + Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- + Chất thải thực phẩm.
- + Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Rác thải sau khi phân loại từ các khu của dự án được nhân viên vệ sinh thu gom tập kết đến nhà chứa rác tại dự án diện tích khoảng 38 m<sup>2</sup> (9,8 m x 3,85 m) tại khu vực khối nhà thực hành. Đối với rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng thì được tận dụng lại để tái chế, tái sử dụng. Đối với rác thải không có khả năng tái chế, tái sử dụng thì chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

### 2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

Tại từng khu của dự án sẽ có những điểm tập kết rác thải riêng, rác thải sẽ được thu gom và tập trung về kho chứa chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 38 m<sup>2</sup> tại tòa nhà khối thực hành hiện hữu.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại dự án phải đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36



Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết môi số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./

---

